

Số: 1288 /TB-UBND

An Dương, ngày 14 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO

**Danh sách viên chức ngành giáo dục được nâng bậc lương trước thời hạn
do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ
năm học 2022-2023**

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ;

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn huyện An Dương;

Theo đề nghị của Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn tại Công văn số 84/HĐXNBL ngày 14/12/2023 về việc báo cáo kết quả thẩm định xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 đối với viên chức ngành giáo dục, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu:

1. Hiệu trưởng các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện:

- Thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị danh sách người được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 đối với viên chức ngành giáo dục.

- Thời hạn niêm yết công khai trong 15 ngày làm việc, từ ngày 14/12/2023.

- Gửi báo cáo về việc công khai, kèm theo biên bản thực hiện niêm yết (*Biên bản bắt đầu và Biên bản kết thúc việc niêm yết*) về Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Nội vụ huyện) ngay sau khi kết thúc niêm yết để xem xét Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện:

Đăng tải danh sách viên chức ngành giáo dục đủ điều kiện nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 trên cổng thông tin điện tử của huyện theo quy định (15 ngày làm việc, từ ngày 14/12/2023).

(Gửi kèm theo danh sách viên chức ngành giáo dục đủ điều kiện nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023).

Ủy ban nhân dân huyện thông báo để các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và các đơn vị liên quan biết, thực hiện. /.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND huyện;
- Thành viên HĐXNBL huyện;
- Phòng VH TT huyện;
- Các Trường MN, TH, THCS;
- Trung tâm GDNN-GDTX;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Việt Hùng

DANH SÁCH
VIÊN CHỨC GIÁO DỤC ĐỦ ĐIỀU KIỆN NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN
DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Thông báo số **1298**/TB-UBND ngày **17** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích	
				Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau					
Bậc Mầm non (53 người)															
1	Phạm Thị Hà	1982	Giáo viên Trường MN Lê Thiện	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/02/2021	5	3,66	01/08/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 16; STT 627 2022 - 2023; STT 703 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 16; STT 627 2022 - 2023; STT 703 HTXS năm học 2022 - 2023;	
2	Nguyễn Thị Hằng	1986	Giáo viên Trường MN Lê Thiện	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/02/2021	5	3,66	01/08/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 16; STT 629 2022 - 2023; STT 712 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 16; STT 629 2022 - 2023; STT 712 HTXS năm học 2022 - 2023;	
3	Nguyễn Thị Mai	1981	Giáo viên Trường MN Lê Thiện	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/02/2021	5	3,66	01/08/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 16; STT 631 2022 - 2023; STT 704 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 16; STT 631 2022 - 2023; STT 704 HTXS năm học 2022 - 2023;	
4	Trần Thị Quỳnh	1986	Giáo viên Trường MN Đại Bản	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	4	3,33	01/05/2024	6	CSTĐ cơ sở năm học 2018-2019	CSTĐ cơ sở năm học 2018-2019	
5	Nguyễn Thị Trang	1983	Giáo viên Trường MN Đại Bản	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	4	3,33	01/05/2024	6	CSTĐ cơ sở năm học 2020-2021	CSTĐ cơ sở năm học 2018-2019	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích	
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau				
6	Đổng Thị Kim Dung	1995	Giáo viên Trường MN Đại Bản	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/11/2021	3	3,00	01/05/2024	6	CSTĐ cơ sở năm học 2020-2021	CSTĐ cơ sở năm học 2018-2019	
7	Mai Thị Chinh	1976	Giáo viên Trường MN Đại Bản	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.05	8	4,27	01/05/2021	9	4,58	01/11/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 10; STT 366 2022 - 2023; STT 392 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 10; STT 366 2022 - 2023; STT 392 HTXS năm học 2022 - 2023;	
8	Phan Thị Thanh Tâm	1970	Giáo viên Trường MN Đại Bản	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	7	4,32	01/08/2021	8	4,65	01/02/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 10; STT 374 2022 - 2023; STT 398 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 10; STT 374 2022 - 2023; STT 398 HTXS năm học 2022 - 2023;	
9	Mai Thị Thu	1980	Giáo viên Trường MN Đại Bản	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/02/2021	5	3,66	01/08/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 10; STT 368 2022 - 2023; STT 395 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 10; STT 368 2022 - 2023; STT 395 HTXS năm học 2022 - 2023;	
10	Nguyễn Thị Xuyên	1982	Giáo viên Trường MN Đại Bản	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/02/2021	5	3,66	01/08/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 10; STT 379 2022 - 2023; STT 399 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 10; STT 379 2022 - 2023; STT 399 HTXS năm học 2022 - 2023;	
11	Vũ Thị Duyên	1993	Giáo viên Trường MN Đại Bản	Giáo viên MN hạng IV	V.07.02.06	5	2,66	01/03/2022	6	2,86	01/09/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 10; STT 389 2022 - 2023; STT 396 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 10; STT 389 2022 - 2023; STT 396 HTXS năm học 2022 - 2023;	
12	Hồ Thị Thủy	1988	Giáo viên Trường MN Tân Tiến	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/01/2021	5	3,66	01/04/2023	9	CSTĐ cơ sở 2 năm học liên tục 2020- 2021; 2021 - 2022.	CSTĐ cơ sở 2 năm học liên tục 2020- 2021; 2021 - 2022.	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
13	Phạm Thị Kim Thoan	1975	Phó HT Trưởng MN An Hưng	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/03/2021	7	4,32	01/09/2023	6	Đối với lãnh đạo quản lý trong 02 năm giữ bậc lương hiện hưởng, ngoài cấp độ thành tích chung theo quy định, thì tập thể cơ quan, đơn vị phải có ít nhất 01 năm đạt danh hiệu Tập thể LĐTĐ trở lên	Cá nhân: CSTĐ cơ sở năm học 2022- 2023; . - Tập thể: LDXS 2 năm học 2021 - 2022; 2022 - 2023; Chi bộ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021, 2022.
14	Lưu Thu Thảo	1993	Giáo viên Trưởng MN An Hưng	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	2	2,67	01/02/2021	3	3,00	01/05/2023	9	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021- 2022; 2022-2023.	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021- 2022; 2022-2023.
15	Bùi Thị Hằng	1975	Giáo viên Trưởng MN An Hưng	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.05	7	3,96	01/04/2021	8	4,27	01/10/2023	6	LĐTĐ 2 năm học: 2021-2022; trang 5; STT 167 2022 - 2023; STT 178 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTĐ 2 năm học: 2021-2022; trang 5; STT 167 2022 - 2023; STT 178 HTXS năm học 2022 - 2023;
16	Trần Thị Thu Nhân	1983	Giáo viên Trưởng MN An Hưng	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/07/2021	6	3,99	01/01/2024	6	LĐTĐ 2 năm học: 2021-2022; trang 5; STT 165 2022 - 2023; STT 185 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTĐ 2 năm học: 2021-2022; trang 5; STT 165 2022 - 2023; STT 185 HTXS năm học 2022 - 2023;
17	Lại Thị Nguyệt	1983	Giáo viên Trưởng MN An Hưng	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/07/2021	6	3,99	01/01/2024	6	LĐTĐ 2 năm học: 2021-2022; trang 5; STT 163 2022 - 2023; STT 179 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTĐ 2 năm học: 2021-2022; trang 5; STT 163 2022 - 2023; STT 179 HTXS năm học 2022 - 2023;
18	Bùi Thị Thu	1978	Giáo viên Trưởng MN An Hưng	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/08/2021	7	4,32	01/02/2024	6	LĐTĐ 2 năm học: 2021-2022; trang 5; STT 170 2022 - 2023; STT 186 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTĐ 2 năm học: 2021-2022; trang 5; STT 170 2022 - 2023; STT 186 HTXS năm học 2022 - 2023;

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
19	Nguyễn Thị Hường	1993	HT Trưởng MN An Hồng	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/03/2021	7	4,32	01/06/2023	9	Đối với lãnh đạo quản lý trong 02 năm giữ bậc lương hiện hưởng, ngoài cấp độ thành tích chung theo quy định, thì tập thể cơ quan, đơn vị phải có ít nhất 01 năm đạt danh hiệu Tập thể ĐTT trở lên	Cá nhân: CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022- 2023; . - Tập thể: LĐXS 2 năm học 2021 - 2022; 2022 - 2023; Chi bộ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021, 2022.
20	Ngô Thị Mười	1989	Giáo viên Trưởng MN An Hồng	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/08/2021	5	3,66	01/11/2023	9	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.
21	Phạm Thị Quyên	1978	Giáo viên Trưởng MN An Hồng	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/07/2021	7	4,32	01/01/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 6; STT 214 2022 - 2023; STT 228 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 6; STT 214 2022 - 2023; STT 228 HTXS năm học 2022 - 2023;
22	Hoàng Thị Thu Hương	1985	Giáo viên Trưởng MN An Hồng	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/02/2021	5	3,66	01/08/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 6; STT 215 2022 - 2023; STT 227 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 6; STT 215 2022 - 2023; STT 227 HTXS năm học 2022 - 2023;
23	Đoàn Thị Hạnh	1981	Giáo viên Trưởng MN Nam Sơn	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	4	3,33	01/02/2024	9	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2020-2021; 2021-2022.	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2020-2021; 2021-2022.
24	Lê Thị Hường	1984	Giáo viên Trưởng MN Bắc Sơn	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/02/2021	5	3,66	01/08/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 9; STT 325 2022 - 2023; STT 336 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 9; STT 325 2022 - 2023; STT 336 HTXS năm học 2022 - 2023;

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng				Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
25	Lê Thị Thom	1982	Giáo viên Trường MN Bắc Sơn	V.07.02.04	4	3,33	01/02/2021	5	3,66	01/08/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 8; STT 317 2022 - 2023; STT 338 HTXS năm học 2022 - 2023;	
26	Lê Thị Thắm	1982	Giáo viên Trường MN Bắc Sơn	V.07.02.04	5	3,66	01/01/2021	6	3,99	01/07/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 8; STT 334 2022 - 2023; STT 339 HTXS năm học 2022 - 2023;	
27	Trần Thị Thanh Minh	1976	Giáo viên Trường MN Bắc Sơn	V.07.02.05	7	3,96	01/04/2021	8	4,27	01/10/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 8; STT 3319 2022 - 2023; STT 340 HTXS năm học 2022 - 2023;	
28	Nguyễn Thị Thu Thảo	1995	Giáo viên Trường MN An Hòa	V.07.02.06	4	2,46	01/01/2022	5	2,66	01/04/2023	9	CSTĐ cơ sở 2 năm học liên tục 2021- 2022; 2022 - 2023.	CSTĐ cơ sở 2 năm học liên tục 2021- 2022; 2022 - 2023.
29	Phan Thị Chi	1997	Giáo viên Trường MN Lê Lợi	V.07.02.04	1	2,34	01/04/2021	2	2,67	01/10/2023	6	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023;	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023;
30	Đinh Thị Hoài Thương	1994	Giáo viên Trường MN Đặng Cương	V.07.02.04	2	2,67	01/11/2021	3	3,00	01/02/2024	9	CSTĐ cơ sở 2 năm học liên tục 2021- 2022; 2022-2023 .	CSTĐ cơ sở 2 năm học liên tục 2018- 2019; 2019-2020 .
31	Nguyễn Thị Thu Trang	1993	Giáo viên Trường MN Đặng Cương	V.07.02.06	3	2,26	01/08/2022	4	2,46	01/02/2024	6	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023 STT 78	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023 STT 78

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
32	Nguyễn Thị Thu Phương	1991	Giáo viên Trường MN Quốc Tuấn	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	4	3,33	01/11/2023	12	CSTĐ cấp thành phố năm học 2022-2023. Q/Đ số 3122/QĐ-UB ngày 6/10/2023 STT 25.	
33	Hoàng Thị Nga	1983	Giáo viên Trường MN Quốc Tuấn	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	4	3,33	01/05/2024	6	CSTĐ cơ sở năm học 2020-2021;	CSTĐ cơ sở năm học 2020-2021;
34	Chu Thị Thúy	1972	Giáo viên Trường MN Quốc Tuấn	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.05	8	4,27	01/05/2021	9	4,58	01/11/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 18; STT 711 2022 - 2023; STT 793 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 18; STT 711 2022 - 2023; STT 793 HTXS năm học 2022 - 2023;
35	Vũ Thị Hiền	1987	Giáo viên Trường MN Hồng Thái	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	4	3,33	01/09/2021	4	3,03	01/03/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2020-2021; trang 14, STT 531; 2021 - 2022 trang 14, STT 553 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2020-2021; trang 14, STT 531; 2021 - 2022 trang 14, STT 553 HTXS năm học 2022 - 2023;
36	Nguyễn Thị Thùy Dương	1992	Giáo viên Trường MN Hồng Thái	Giáo viên MN hạng IV	V.07.02.06	5	2,66	01/06/2022	6	2,86	01/12/2023	6	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023;	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023;
37	Phạm Thị Thụy	1986	Giáo viên Trường MN Hồng Thái	Giáo viên MN hạng IV	V.07.02.06	4	2,46	01/07/2022	5	2,66	01/10/2023	9	Bảng khen của CTUBNDTP đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ từ năm học 2021-2022 đến năm học 2022 - 2023.	Bảng khen của CTUBNDTP đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ từ năm học 2021-2022 đến năm học 2022 - 2023.

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
38	Phạm Thị Xuân Thu	1980	Hiệu trưởng Trường MN Đồng Thái	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/04/2021	7	4,32	01/10/2023	6	Đối với lãnh đạo quản lý trong 02 năm giữ bậc lương hiện hưởng, ngoài cấp độ thành tích chung theo quy định, thì tập thể cơ quan, đơn vị phải có ít nhất 01 năm đạt danh hiệu Tập thể LĐTT trở lên	Cá nhân: CSTĐ cơ sở năm học 2022 - 2023. - Tập thể: LĐXS 2 năm học 2021 - 2022; 2022 - 2023; Chi bộ 2 năm Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021; 2022.
39	Trần Thị Thủy	1979	P. Hiệu trưởng Trường MN Đồng Thái	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	6	3,99	01/01/2021	7	4,32	01/07/2023	6	Đối với lãnh đạo quản lý trong 02 năm giữ bậc lương hiện hưởng, ngoài cấp độ thành tích chung theo quy định, thì tập thể cơ quan, đơn vị phải có ít nhất 01 năm đạt danh hiệu Tập thể LĐTT trở lên	Cá nhân: CSTĐ cơ sở năm học 2022 - 2023. - Tập thể: LĐXS 2 năm học 2021 - 2022; 2022 - 2023; Chi bộ 2 năm Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021; 2022.
40	Phạm Thị Huế	1989	P. Hiệu trưởng Trường MN Đồng Thái	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/07/2021	4	3,33	01/10/2023	9	Đối với lãnh đạo quản lý trong 02 năm giữ bậc lương hiện hưởng, ngoài cấp độ thành tích chung theo quy định, thì tập thể cơ quan, đơn vị phải có ít nhất 01 năm đạt danh hiệu Tập thể LĐTT trở lên	Cá nhân: CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022 - 2023. - Tập thể: LĐXS 2 năm học 2021 - 2022; 2022 - 2023; Chi bộ 2 năm Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021; 2022.
41	Nguyễn Thị Cúc	1978	Giáo viên Trường MN Đồng Thái	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/07/2021	4	3,33	01/10/2023	9	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.
42	Lê Thị Thu	1983	Giáo viên Trường MN Đồng Thái	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	4	3,33	01/02/2024	9	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.



STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
43	Đỗ Thị Thảo	1984	Giáo viên Trường MN An Đồng I	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	4	3,33	01/02/2024	9	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2020-2021; 2021-2022.	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2020-2021; 2021-2022.
44	Nguyễn Thị Huế	1991	Giáo viên Trường MN An Đồng I	Giáo viên MN hạng IV	V.07.02.06	4	2,46	01/10/2022	5	2,66	01/01/2024	9	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.
45	Phạm Thị Xuân Hoàn	1982	Giáo viên Trường MN An Đồng I	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	4	3,33	01/05/2024	6	CSTĐ cơ sở năm học 2020-2021;	CSTĐ cơ sở năm học 2020-2021;
46	Nguyễn Thị Phương Thảo	1988	Giáo viên Trường MN An Đồng I	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	3	3,00	01/11/2021	4	3,33	01/05/2024	6	CSTĐ cơ sở năm học 2019-2020;	CSTĐ cơ sở năm học 2019-2020;
47	Lê Thị Thu Mơ	1996	Giáo viên Trường MN An Đồng I	Giáo viên MN hạng IV	V.07.02.06	3	2,26	01/12/2022	4	2,46	01/06/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 2 STT: 57; 2022 - 2023 ; trang 02 STT: 61 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 2 STT: 57; 2022 - 2023 ; trang STT: 61 HTXS năm học 2022 - 2023;
48	Nguyễn Thị Ngọc Bích	1982	Phó HT Trưởng MN An Đồng II	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	5	3,66	01/01/2021	6	3,99	01/04/2023	9	Đối với lãnh đạo quản lý trong 02 năm giữ bậc lương hiện hưởng, ngoài cấp độ thành tích chung theo quy định, thi tập thể cơ quan, đơn vị phải có ít nhất 01 năm đạt danh hiệu Tập thể LĐTT trở lên	Cá nhân: Bằng khen của CTUBNDTP hoàn thành XS nhiệm vụ công tác từ năm học 2020-2021 đến năm học 2021-2022. - Tập thể: LĐXS 2 năm học 2021 - 2022; 2022 - 2023. Chi bộ 2 năm Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021; 2022.
49	Đỗ Trường An	1993	Giáo viên Trường MN An Đồng II	Giáo viên MN hạng IV	V.07.02.06	4	2,46	01/05/2022	5	2,66	01/08/2023	9	CSTĐ cơ sở năm học 2021-2022;	CSTĐ cơ sở năm học 2021-2022;

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
50	Trần Thị Huế	1971	Giáo viên Trường MN An Đồng II	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.04	8	4,65	01/08/2021	9	4,98	01/02/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2020-2021 Trang 4 số TT 128; 2021 - 2022 Trang 3 số TT 129. HTXS năm học 2022 - 2023;	
51	Phạm Thị Thu Thảo	1993	Giáo viên Trường MN An Dương	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.05	3	2,72	01/09/2021	4	3,03	01/12/2023	9	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.
52	Đinh Thị Thùy Dương	1984	Giáo viên Trường MN An Dương	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.05	6	3,65	01/02/2021	7	3,96	01/05/2023	9	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.
53	Nguyễn Thùy Linh	1996	Giáo viên Trường MN An Dương	Giáo viên MN hạng IV	V.07.02.06	4	2,46	01/07/2022	5	2,66	01/01/2024	6	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023;	
Bậc Tiểu học (51 người)														
1	Lê Thị Nguyệt	1971	Giáo viên Trường TH Lê Thiện	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2021	4	3,33	01/01/2024	9	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.
2	Mai Thị Oanh	1991	Giáo viên Trường TH Lê Thiện	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2021	3	3,00	01/02/2024	6	CSTĐ cơ sở năm học 2021-2022;	CSTĐ cơ sở năm học 2021-2022;
3	Nguyễn Thị Liên Hợp	1976	Giáo viên Trường TH Lê Thiện	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	7	4,32	01/03/2021	8	4,65	01/09/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 33; STT 1312 2022 - 2023; STT 1470. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 33; STT 1312 2022 - 2023; STT 1470. HTXS năm học 2022 - 2023;

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
4	Hoàng Thị Thanh Bích	1974	Giáo viên Trường TH Lê Thiện	V.07.03.07	7	4,32	01/12/2021	8	4,65	01/06/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 33; STT 1317 2022 - 2023; STT 1482. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 33; STT 1317 2022 - 2023; STT 1482. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 33; STT 1317 2022 - 2023; STT 1482. HTXS năm học 2022 - 2023;
5	Ninh Thị Thu Hằng	1985	Giáo viên Trường TH Đại Bản II	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2021	4	3,33	01/01/2024	9	CSTD cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.	CSTD cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.	CSTD cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023.
6	Đào Thị Thanh Huyền	1987	Giáo viên Trường TH Đại Bản II	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2021	4	3,33	01/04/2024	6	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;
7	Đỗ Thị Hương Cúc	1983	Giáo viên Trường TH Đại Bản II	V.07.03.08	3	2,72	01/10/2021	4	3,03	01/04/2024	6	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;
8	Đặng Thị Mai Anh	1987	Giáo viên Trường TH Đại Bản I	V.07.03.07	3	3,00	01/05/2021	4	3,33	01/11/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 27; STT 1097 2022 - 2023; STT 1209. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 27; STT 1097 2022 - 2023; STT 1209. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 27; STT 1097 2022 - 2023; STT 1209. HTXS năm học 2022 - 2023;
9	Nguyễn Thị Hà Giang	1985	Giáo viên Trường TH Đại Bản I	V.07.03.08	2	2,72	01/10/2021	3	3,03	01/04/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 27; STT 1098 2022 - 2023; STT 1208. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 27; STT 1098 2022 - 2023; STT 1208. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 27; STT 1098 2022 - 2023; STT 1208. HTXS năm học 2022 - 2023;
10	Mai Thị Quyết	1978	Giáo viên Trường TH Đại Bản I	V.07.03.07	7	4,32	01/03/2021	8	4,65	01/09/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 27; STT 1088 2022 - 2023; STT 1205. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 27; STT 1088 2022 - 2023; STT 1205. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 27; STT 1088 2022 - 2023; STT 1205. HTXS năm học 2022 - 2023;

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
11	Trần Thị Huyền	1990	Giáo viên Trường TH Tân Tiến	V.07.03.07	1	2,34	01/03/2021	Giáo viên TH hạng II	2	2,67	01/09/2023	6	CSTD cơ sở 2 năm học 2021-2022;	CSTD cơ sở 2 năm học liên tục 2020-2021; 2021-2022.
12	Nguyễn Thu Trang	1985	Giáo viên Trường TH Tân Tiến	V.07.03.07	3	3,00	01/09/2021	Giáo viên TH hạng II	4	3,33	01/03/2024	6	CSTD cơ sở 2 năm học 2022-2023;	CSTD cơ sở 2 năm học 2022-2023;
13	Đỗ Thị Thu Hương	1980	Giáo viên Trường TH Tân Tiến	V.07.03.07	7	4,32	01/12/2021	Giáo viên TH hạng II	8	4,65	01/06/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 35; STT 1399 2022 - 2023; STT 1572. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 35; STT 1399 2022 - 2023; STT 1572. HTXS năm học 2022 - 2023;
14	Lê Thị Kim Anh	1977	Giáo viên Trường TH Tân Tiến	V.07.03.07	7	4,32	01/12/2021	Giáo viên TH hạng II	8	4,65	01/06/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 35; STT 1409 2022 - 2023; STT 1579. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 35; STT 1409 2022 - 2023; STT 1579. HTXS năm học 2022 - 2023;
15	Nguyễn Thị Thu Huyền	1979	Giáo viên Trường TH An Hưng	V.07.03.07	7	4,32	01/03/2021	Giáo viên TH hạng II	8	4,65	01/06/2023	9	CSTD cơ sở 2 năm học liên tục 2020-2021; 2021-2022.	CSTD cơ sở 2 năm học liên tục 2020-2021; 2021-2022.
16	Nguyễn Thị Ngọc Anh	1983	Giáo viên Trường TH An Hưng	V.07.03.07	2	2,67	01/08/2021	Giáo viên TH hạng II	3	3,00	01/02/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 23; STT 934 2022 - 2023; STT 1038. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 23; STT 934 2022 - 2023; STT 1038. HTXS năm học 2022 - 2023;

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích	
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau				
17	Bùi Thị Kim Lê	1985	Giáo viên Trường TH An Hưng	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/03/2021	2	2,67	01/09/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 24; STT 940 2022 - 2023; STT 1039. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 24; STT 940 2022 - 2023; STT 1039. HTXS năm học 2022 - 2023;	
18	Vũ Thị Ngọc Huyền	1991	Giáo viên Trường TH An Hưng	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/05/2021	2	2,67	01/11/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 23; STT 937 2022 - 2023; STT 1072. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 23; STT 937 2022 - 2023; STT 1072. HTXS năm học 2022 - 2023;	
19	Cao Thị Huyền Trang	1997	Giáo viên Trường TH An Hưng	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/03/2021	2	2,67	01/09/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 23; STT 933 2022 - 2023; STT 1037. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 23; STT 933 2022 - 2023; STT 1037. HTXS năm học 2022 - 2023;	
20	Mai Thị Lan Hương	1975	Giáo viên Trường TH An Hồng	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	7	4,32	01/06/2021	8	4,65	01/09/2023	9	CSTD cơ sở 2 năm học liên tục 2020- 2021; 2021-2022.	CSTD cơ sở 2 năm học liên tục 2020- 2021; 2021-2022.	
21	Trần Thị Trang	1989	Giáo viên Trường TH An Hồng	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2021	4	3,33	01/01/2024	9	CSTD cơ sở 2 năm học 2020- 2021; 2021-2022	CSTD cơ sở 2 năm học 2020- 2021; 2021-2022	
22	Hà Thị Thùy	1987	Giáo viên Trường TH An Hồng	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/09/2021	3	3,00	01/12/2023	9	CSTD cơ sở 2 năm học 2020- 2021; 2021-2022	CSTD cơ sở 2 năm học 2020- 2021; 2021-2022	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
23	Nguyễn Thị Thanh Quyên	1981	P Hiệu trưởng Trường TH Nam Sơn	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	7	4,32	01/09/2021	8	4,65	01/12/2023	9	Đối với lãnh đạo quản lý trong 02 năm giữ bậc lương hiện hưởng, ngoài cấp độ thành tích chung theo quy định, thì tập thể cơ quan, đơn vị phải có ít nhất 01 năm đạt danh hiệu Tập thể LĐTT trở lên	Cá nhân: CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022 - 2023. - Tập thể: LĐXS 2 năm học 2021 - 2022; 2022 - 2023. Chỉ bộ 2 năm Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021; 2022.
24	Phạm Kim Cúc	1993	Giáo viên Trường TH Nam Sơn	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/09/2021	2	2,67	01/03/2024	6	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023.	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023.
25	Phạm Thị Phòng	1984	Giáo viên Trường TH Nam Sơn	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	6	3,99	01/09/2021	7	4,32	01/03/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 33; Số TT 1338 2022 - 2023; Số TT 1499 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 33; Số TT 1338 2022 - 2023; Số TT 1499 HTXS năm học 2022 - 2023;
26	Lê Thị Phương Thảo	1993	Giáo viên Trường TH Nam Sơn	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/06/2021	3	3,00	01/12/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 33; Số TT 1349 2022 - 2023; Số TT 1509 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 33; Số TT 1349 2022 - 2023; Số TT 1509 HTXS năm học 2022 - 2023;
27	Trương Thị Hiền	1997	Giáo viên Trường TH Nam Sơn	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/03/2021	2	2,67	01/09/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 33; Số TT 1347 2022 - 2023; Số TT 1510 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 33; Số TT 1347 2022 - 2023; Số TT 1510 HTXS năm học 2022 - 2023;
28	Lê Thị Hương	1988	Giáo viên Trường TH Bắc Sơn	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/09/2021	3	3,00	01/03/2024	6	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023.	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023.

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
29	Vũ Thị Ánh	1985	Giáo viên Trường TH Bắc Sơn	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	5	3,66	01/12/2021	6	3,99	01/06/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022 Trang 26 số TT 1055; 2022-2023 số TT 1168. HTXS năm học 2022 - 2023;	
30	Vũ Thị Thu Hằng	1979	Giáo viên Trường TH Bắc Sơn	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	5	3,66	01/09/2021	6	3,99	01/03/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022 Trang 26 số TT 1056; 2022-2023 số TT 1166. HTXS năm học 2021 - 2022;	
31	Vũ Thị Cúc	1991	Giáo viên Trường TH Bắc Sơn	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	2	2,67	01/09/2021	3	3,00	01/03/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022 Trang 26 số TT 1058; 2022-2023 số TT 1167. HTXS năm học 2021 - 2022;	
32	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	1986	Giáo viên Trường TH An Hòa	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/03/2021	2	2,67	01/09/2023	6	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023.	
33	Đào Thị Hà	1976	Giáo viên Trường TH An Hòa	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	7	4,32	01/06/2021	8	4,65	01/12/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022 Trang 26 số TT 1026; 2022-2023 số TT 1136. HTXS năm học 2022 - 2023;	
34	Nguyễn Thị Thanh Mai	1983	Giáo viên Trường TH Hồng Phong	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	5	3,66	01/12/2021	6	3,99	01/03/2024	9	Bảng khen của CTUBNDTP đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ từ năm học 2020-2021 đến năm học 2021 - 2022.	Bảng khen của CTUBNDTP đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ từ năm học 2020-2021 đến năm học 2021 - 2022.

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
35	Nguyễn Thị Hương Ngà	1976	Giáo viên Trường TH Hồng Phong	V.07.03.07	7	4,32	01/09/2021	01/09/2021	8	4,65	01/03/2024	6	CSTĐ cơ sở năm học 2021-2022.	CSTĐ cơ sở năm học 2021-2022.
36	Tăng Thị Phương Chung	1987	Giáo viên Trường TH Hồng Phong	V.07.03.07	1	2,34	01/03/2021	01/03/2021	2	2,67	01/09/2023	6	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023.	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023.
37	Nguyễn Thị Thơm	1995	Giáo viên Trường TH Hồng Phong	V.07.03.07	2	2,67	01/10/2021	01/10/2021	3	3,00	01/04/2024	6	CSTĐ cơ sở năm học 2021-2022.	CSTĐ cơ sở năm học 2021-2022.
38	Lê Thị Hương Liên	1997	Giáo viên Trường TH Hồng Phong	V.07.03.07	1	2,34	01/03/2021	01/03/2021	2	2,67	01/09/2023	6	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023.	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023.
39	Đặng Minh Hoa	1988	P Hiệu trưởng Trường TH Lê Lợi	V.07.03.07	3	3,00	01/01/2021	01/01/2021	4	3,33	01/07/2023	6	Đổi với lãnh đạo quản lý trong 02 năm giữ bậc lương hiện hưởng, ngoài cấp độ thành tích chung theo quy định, thì tập thể cơ quan, đơn vị phải có ít nhất 01 năm đạt danh hiệu Tập thể LĐTT trở lên	Cá nhân: CSTĐ cơ sở năm học 2022 - 2023. - Tập thể: LĐXS năm học 2021 - 2022; 2022 - 2023; Chỉ bộ 2 năm Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021; 2022.
40	Nguyễn Thị Thanh Mai	1997	G/viên Trường TH Lê Lợi	V.07.03.07	1	2,34	01/03/2021	01/03/2021	2	2,67	01/09/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 32; Số TT 1291 2022 - 2023; Số TT 1446 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 32; Số TT 1291 2022 - 2023; Số TT 1446 HTXS năm học 2022 - 2023;
41	Bùi Thị Cúc	1981	Giáo viên Trường TH Đặng Cương	V.07.03.08	6	3,65	01/09/2021	01/09/2021	7	3,96	01/12/2023	9	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2020-2021; 2021-2022.	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2020-2021; 2021-2022.

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
42	Nguyễn Thị Hoa	1985	Giáo viên Trường TH Quốc Tuấn	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2021	4	3,33	01/04/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 34; Số TT 1384 2022 - 2023; Số TT 1544 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 34; Số TT 1384 2022 - 2023; Số TT 1544 HTXS năm học 2022 - 2023;
43	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1989	Giáo viên Trường TH Quốc Tuấn	Giáo viên TH hạng III	V.07.03.08	2	2,41	01/07/2021	3	3,03	01/01/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 34; Số TT 1380 2022 - 2023; Số TT 1546 HTXS năm học 2021 - 2022;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 34; Số TT 1380 2022 - 2023; Số TT 1546 HTXS năm học 2021 - 2022;
44	Phạm Thị Kim Thoa	1989	Giáo viên Trường TH Quốc Tuấn	Giáo viên TH hạng III	V.07.03.08	3	2,72	01/10/2021	4	3,03	01/04/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 34; Số TT 1381 2022 - 2023; Số TT 1549 HTXS năm học 2021 - 2022;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 34; Số TT 1381 2022 - 2023; Số TT 1549 HTXS năm học 2021 - 2022;
45	Trần Thị Từ	1981	Giáo viên Trường TH Hồng Thái	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	6	3,99	01/03/2021	7	4,32	01/09/2023	6	CSTD cơ sở năm 2022-2023.	CSTD cơ sở năm 2022-2023.
46	Đào Thị Mai Hương	1987	Giáo viên Trường TH Hồng Thái	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/10/2021	4	3,33	01/04/2024	6	CSTD cơ sở năm 2022-2023.	CSTD cơ sở năm 2022-2023.
47	Nguyễn Thị Phương Thảo	1989	Giáo viên Trường TH Đồng Thái	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/02/2021	4	3,33	01/08/2023	6	CSTD cơ sở năm 2022-2023.	CSTD cơ sở năm 2022-2023.

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và xét nâng bậc lương lần sau			
48	Lê Thị Ngọc	1990	Giáo viên Trường TH Đồng Thái	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	3	3,00	01/12/2021	4	3,33	01/06/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 29; Số TT 1169 2022 - 2023; Số TT 1306 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 29; Số TT 1169 2022 - 2023; Số TT 1306 HTXS năm học 2022 - 2023;
49	Nguyễn Thị Ngọc Phương	1984	Giáo viên Trường TH An Đồng	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.08	6	3,65	01/03/2021	7	3,96	01/03/2023	12	CSTĐ cấp thành phố năm học 2022-2023 số 3122/QĐ-UB ngày 6/10/2023 số TT 27	CSTĐ cấp thành phố năm học 2022-2023 số 3122/QĐ-UB ngày 6/10/2023 số TT 27
50	Phạm Thị Thu Phương	1979	Giáo viên Trường TH An Đồng	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	1	2,34	01/03/2021	2	2,67	01/09/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 22; Số TT 871 2022 - 2023; Số TT 974 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 22; Số TT 871 2022 - 2023; Số TT 974 HTXS năm học 2022 - 2023;
51	Trần Thị Bích Thủy	1981	Giáo viên Trường TH An Đồng	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.07	5	3,66	01/03/2021	6	3,99	01/09/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 23; Số TT 899 2022 - 2023; Số TT 976 HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 23; Số TT 899 2022 - 2023; Số TT 976 HTXS năm học 2022 - 2023;

Bậc THCS (34 người)

1	Nguyễn Thị Lan Hương	1974	G/v Trường THCS Lê Thiện	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	8	4,65	01/09/2021	9	4,98	01/03/2024	6	CSTĐ cơ sở năm 2019-2020.	CSTĐ cơ sở năm 2019-2020.
2	Đỗ Thị Hương	1992	G/v Trường THCS Lê Thiện	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	1	2,34	01/01/2021	2	2,67	01/07/2023	6	CSTĐ cơ sở năm 2022-2023.	CSTĐ cơ sở năm 2022-2023.

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
3	Đinh Văn Xáy	1981	G/v Trường THCS Lê Thiện	V.07.04.11	7	4,32	01/11/2021	Giáo viên THCS hạng II	8	4,65	01/05/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 45; Số TT 1817 2022 - 2023; Số TT 2053 HTXS năm học 2021 - 2022;	
4	Bùi Thị Thùy	1979	G/viên Trường THCS Đại Bản	V.07.04.11	7	4,32	01/03/2021	Giáo viên THCS hạng II	8	4,65	01/09/2023	6	CSTĐ cơ sở năm 2021-2022.	
5	Lưu Thị Nguyệt	1981	G/viên Trường THCS Đại Bản	V.07.04.11	7	4,32	01/06/2021	Giáo viên THCS hạng II	8	4,65	01/09/2023	9	Bộ giáo dục và đào tạo tặng Bằng khen năm học 2020 - 2021.	
6	Nguyễn Thanh Huyền	1976	G/viên Trường THCS An Hưng	V.07.04.11	7	4,32	01/01/2021	Giáo viên THCS hạng II	8	4,65	01/01/2023	12	CSTĐ Thành phố từ năm học 2019-2020; đến năm học 2021-2022.	
7	Nguyễn Thị Ngọc	1991	G/viên Trường THCS An Hưng	V.07.04.11	2	2,67	01/06/2021	Giáo viên THCS hạng II	3	3,00	01/12/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 38; Số TT 1535 2022 - 2023; Số TT 1717 HTXS năm học 2022 - 2023;	
8	Trịnh Thị Mai	1976	G/viên Trường THCS Tân Tiến	V.07.04.11	8	4,65	01/03/2021	Giáo viên THCS hạng II	9	4,98	01/09/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 47; Số TT 1910 2022 - 2023; Số TT 2157 HTXS năm học 2021 - 2022;	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng				Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau		
9	Mai Thị Thủy	1986	G/viên Trường THCS Tân Tiến	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/03/2021	4	3,33	01/09/2023	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 47; Số TT 1905 2022 - 2023; Số TT 2163 HTXS năm học 2021 - 2022;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022; trang 47; Số TT 1905 2022 - 2023; Số TT 2163 HTXS năm học 2021 - 2022;
10	Nguyễn Thị Thu Oanh	1981	G/viên Trường THCS An Hồng	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	7	4,32	01/09/2021	8	4,65	01/03/2024	CSTĐ cơ sở năm 2022-2023.	CSTĐ cơ sở năm 2022-2023.
11	Lê Văn Cường	1983	G/viên Trường THCS An Hồng	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/09/2021	4	3,33	01/12/2023	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023
12	Lê Thị Phương Loan	1979	G/viên Trường THCS An Hồng	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	7	4,32	01/01/2021	8	4,65	01/07/2023	CSTĐ cơ sở năm 2022-2023.	CSTĐ cơ sở năm 2022-2023.
13	Đỗ Thị Nguyệt	1983	G/viên Trường THCS An Hồng	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	4	3,33	01/05/2021	5	3,66	01/08/2023	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023
14	Hoàng Thị Hào	1985	G/viên Trường THCS Nam Sơn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/09/2021	4	3,33	01/12/2023	Bảng khen của Trung ương đoàn năm học 2021 - 2022 đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đội và phong trào thiếu nhi;	Bảng khen của Trung ương đoàn năm học 2021 - 2022 đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đội và phong trào thiếu nhi;
15	Vũ Đình Báu	1979	G/viên Trường THCS Nam Sơn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	8	4,65	01/06/2021	9	4,98	01/12/2023	LĐTT 2 năm học: 2020-2021 Trang 40 số TT 1614; 2021- 2022 Trang 46 số TT 1846. HTXS năm học 2021 - 2022;	LĐTT 2 năm học: 2020-2021 Trang 40 số TT 1614; 2021- 2022 Trang 46 số TT 1846. HTXS năm học 2021 - 2022;

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích	
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và xét nâng bậc lương lần sau				
16	Đặng Thị Trang	1991	G/viên Trường THCS Nam Sơn	Giao viên THCS hạng II	V.07.04.11	1	2,34	01/09/2021	2	2,67	01/03/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2020-2021 Trang 41 số TT 1640; 2021- 2022 Trang 46 số TT 1867. HTXS năm học 2021 - 2022;	LĐTT 2 năm học: 2020-2021 Trang 41 số TT 1640; 2021- 2022 Trang 46 số TT 1867. HTXS năm học 2021 - 2022;	
17	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	1986	G/viên Trường THCS Bắc Sơn	Giao viên THCS hạng II	V.07.04.11	3	3,00	01/03/2021	4	3,33	01/09/2023	6	CSTD cơ sở năm học 2021-2022;	CSTD cơ sở năm học 2021-2022;	
18	Lê Thị Bích	1980	G/viên Trường THCS Bắc Sơn	Giao viên THCS hạng III	V.07.04.12	7	3,96	01/11/2021	8	4,27	01/05/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022 Trang 40 số TT 1607; 2022- 2023 số TT 1819. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022 Trang 40 số TT 1607; 2022- 2023 số TT 1819. HTXS năm học 2022 - 2023;	
19	Bùi Nhật Hòa	1982	G/viên Trường THCS An Hòa	Giao viên THCS hạng II	V.07.04.11	1	2,34	01/09/2021	2	2,67	01/12/2023	9	Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác từ năm học 2021-2021 đến năm học 2022-2023.	Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác từ năm học 2021-2021 đến năm học 2022-2023.	
20	Phạm Thị Hòa	1984	G/viên Trường THCS An Hòa	Giao viên THCS hạng III	V.07.04.12	5	3,34	01/09/2021	6	3,65	01/03/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022 Trang 39 số TT 1592; 2022- 2023 số TT 1788. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022 Trang 39 số TT 1592; 2022- 2023 số TT 1788. HTXS năm học 2022 - 2023;	
21	Phạm Huy Hoàng	1976	G/viên Trường THCS An Hòa	Giao viên THCS hạng III	V.07.04.12	9	4,58	01/03/2021	10	4,89	01/09/2023	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022 Trang 40 số TT 1597; 2022- 2023 số TT 1784. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022 Trang 40 số TT 1597; 2022- 2023 số TT 1784. HTXS năm học 2022 - 2023;	
22	Nguyễn Thị Nhung	1995	G/viên Trường THCS Hồng Phong	Giao viên THCS hạng II	V.07.04.11	1	2,34	01/01/2021	2	2,67	01/07/2023	6	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng				Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương xét nâng bậc lương lần sau			
23	Nguyễn Văn Thi	1981	G/viên Trường THCS Hồng Phong	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	2	2,41	01/08/2021	3	2,72	01/02/2024	CSTĐ cơ sở năm học 2022-2023;	
24	Đồng Thị Thanh	1975	P Hiệu trưởng Trường THCS Lê Lợi	Giáo viên THCS hạng I	V.07.04.10	3	4,68	01/03/2021	4	5,02	01/06/2023	Đối với lãnh đạo quản lý trong 02 năm giữ bậc lương hiện hưởng, ngoài cấp độ thành tích chung theo quy định, thi tập thể cơ quan, đơn vị phải có ít nhất 01 năm đạt danh hiệu Tập thể LĐTT trở lên Cá nhân: Bằng khen của CTUBNDTP đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác 2 năm học 2020-2021; 2021-2022. - Tập thể: LĐXS năm học 2021 - 2022; LĐTT năm học 2022 - 2023. Chi bộ 2 năm Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021; HTT nhiệm vụ 2022.	
25	Nguyễn Thị Minh Phụng	1976	G/viên Trường THCS Lê Lợi	Giáo viên THCS hạng I	V.07.04.10	4	5,02	01/03/2021	5	5,36	01/06/2023	Bằng khen của CTUBNDTP đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ từ năm học 2021-2022 đến năm học 2022 - 2023.	Bằng khen của CTUBNDTP đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ từ năm học 2021-2022 đến năm học 2022 - 2023.
26	Nguyễn Trọng Đại		G/viên Trường THCS Đặng Cương	Giáo viên THCS hạng I	V.07.04.11	7	4,32	01/12/2021	8	4,65	01/03/2024	CSTĐ cơ sở 2 năm học 2021-2022; 2022-2023	
27	Vũ Thị Thu Hà	1979	G/viên Trường THCS Hồng Thái	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	7	4,32	01/09/2021	8	4,65	01/03/2024	CSTĐ cơ sở năm học 2021-2022;	CSTĐ cơ sở năm học 2021-2022;

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích
				Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
28	Phạm Thị Thanh Hoa	1984	G/viên Trường THCS Hồng Thái	V.07.04.11	3	3,00	01/09/2021	Giáo viên THCS hạng II	4	3,33	01/03/2024	6	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;
29	Phạm Thu Hằng	1995	G/viên Trường THCS Hồng Thái	V.07.04.11	1	2,34	01/10/2021	Giáo viên THCS hạng II	2	2,67	01/04/2024	6	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;
30	Phạm Thị Thanh Hoa	1982	G/viên Trường THCS Hồng Thái	V.07.04.11	6	3,99	01/09/2021	Giáo viên THCS hạng II	7	4,32	01/03/2024	6	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;
31	Nguyễn Thị Thanh Cường	1985	G/viên Trường THCS Đồng Thái	V.07.04.11	3	3,00	01/11/2021	Giáo viên THCS hạng II	4	3,33	01/05/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022 Trang 42 số TT 1708; 2022 -2023 STT 1938. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022 Trang 42 số TT 1708; 2022 -2023 STT 1938. HTXS năm học 2022 - 2023;
32	Vũ Thị Thanh Tâm	1993	G/viên Trường THCS Đồng Thái	V.07.04.11	1	2,34	01/09/2021	Giáo viên THCS hạng II	2	2,67	01/03/2024	6	LĐTT 2 năm học: 2021-2022 Trang 42 số TT 1713; 2022 -2023 STT 1939. HTXS năm học 2022 - 2023;	LĐTT 2 năm học: 2021-2022 Trang 42 số TT 1713; 2022 -2023 STT 1939. HTXS năm học 2022 - 2023;
33	Vũ Thị Quyên	1987	G/viên Trường THCS An Đông	V.07.04.11	5	3,66	01/03/2021	Giáo viên THCS hạng II	6	3,99	01/03/2023	12	CSTD Thành phố năm học 2022-2023.	CSTD Thành phố năm học 2022-2023.
34	Nguyễn Thị Thân	1980	G/viên Trường THCS An Dương	V.07.04.11	3	3,00	01/09/2021	Giáo viên THCS hạng II	4	3,33	01/03/2024	6	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;	CSTD cơ sở năm học 2022-2023;

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Điều kiện, tiêu chuẩn	Cấp độ thành tích	
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau				
	TTGDNN-GDTX huyện														
1	Phạm Thị Thanh Huyền	1982	G/viên TTGDNN-GDTX huyện An Dương	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99	01/01/2021	7	4,32	01/07/2023	6	CSTĐ cơ sở năm 2021-2022. Theo quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND huyện	CSTĐ cơ sở năm 2021-2022. Theo quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND huyện	

Danh sách có: 139 người